

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/DS-ST
Ngày 23 - 02 - 2026
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 23 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 346/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng E, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: ấp CL, xã TP, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Tăng Tấn Lp, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: k 19, phường TT, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/11/2025) (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lý Thanh T, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: ấp CL, xã TP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trương Bích T1, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: ấp CL, xã TP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Tăng Tấn L trình bày: Vào khoảng cuối năm 2023, vợ chồng ông T, bà T1 có hỏi mượn của ông Trần Hoàng E nhiều lần (ông Hoàng E không nhớ rõ mốc thời gian và số lần) với tổng số tiền 430.000.000 đồng. Do vợ chồng bà T1, ông T cùng với ông Hoàng E có mối quan hệ bạn bè thân thiết, nên giữa hai bên không có làm biên nhận.

Nhưng kể từ khi vợ chồng ông T, bà T1 nhận tiền của ông Hoàng E đến nay vẫn chưa thanh toán khoản nợ nêu trên. Mặc dù ông Hoàng E đã nhiều lần liên hệ đề yêu cầu vợ chồng ông T, bà T1 trả tiền, mỗi lần ông Hoàng E yêu cầu vợ chồng ông T, bà T1 trả tiền thì vợ chồng ông bà vẫn thừa nhận khoản nợ này, nhưng xác định hiện tại chưa có khả năng thanh toán đồng thời hứa hẹn nhiều lần, nhưng không thực hiện việc cam kết trả nợ.

Trong số nợ 430.000.000 đồng thì có tiền nợ của Lý Thái Q là 57.000.000 đồng, Q là con trai ông T, bà T1 và ông bà đứng ra bảo lãnh nên ông Hoàng E mới cho Q mượn, các bên không có ký giấy tờ gì với khoản nợ này.

Nay ông Hoàng E yêu cầu ông T và bà T1 trả số tiền 430.000.000 đồng.

Ông Lý Thanh T trình bày: Ông và ông Hoàng E là bạn bè ở xóm, ông có vay tiền ông Hoàng E nhiều lần, nhưng vay thời gian nào, số tiền cụ thể bao nhiêu mỗi lần ông không nhớ, nhưng ông nhớ là có đóng lãi cho ông Hoàng E, đóng 6.000.000 đồng/100.000.000 đồng mỗi tháng, đóng lãi trong thời gian bao lâu ông cũng không nhớ. Tính đến thời điểm khởi kiện ông không còn nợ ông Hoàng E. Việc ông Hoàng E cho ông vay tiền, cũng như ông đóng lãi, trả nợ cho ông Hoàng E có khi bằng tiền mặt, có khi chuyển khoản, tuy nhiên các lần đều không có ai chứng kiến, cũng không có làm biên nhận. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với bà Trương Bích T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông, bà không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Hoàng E khởi kiện yêu cầu ông Lý Thanh T, bà Trương Bích T1 là vụ kiện tranh chấp đòi lại tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T, bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét

xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào cuối năm 2023, ông Hoàng E cho ông T, bà T1 mượn nhiều lần với số tiền 430.000.000đ (trong đó, có số tiền 57.000.000đ do Q con ông T, bà T1 mượn, được sự bảo lãnh của ông bà), khi mượn không có biên nhận. Ông T xác định ông có vay tiền của ông Hoàng E nhiều lần, thời gian nào và số tiền bao nhiêu ông không nhớ. Số tiền vay ông có đóng lãi hàng tháng và đến thời điểm khởi kiện ông không còn nợ khoản tiền nào của ông Hoàng E. Xét thấy: Việc giao dịch giữa các đương sự không có thiết lập biên nhận, tuy nhiên trong quá trình giải quyết ông T đã thừa nhận có vay tiền của ông Hoàng E nhiều lần, số tiền bao nhiêu không nhớ. Mặt khác, thông qua nội dung đoạn ghi âm cuộc nói chuyện ngày 01/11/2025 giữa ông Hoàng E với ông T thì ông T thừa nhận có nợ ông Hoàng E số tiền 430.000.000đ và có thỏa thuận phương thức thanh toán. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định ông T có mượn tiền của ông Hoàng E là thực tế có xảy ra. Do đó, lời trình bày của anh L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Hoàng E khởi kiện yêu cầu ông T và bà T1 trả số tiền 430.000.000đ, nhưng ông T không đồng ý. Ông T xác định, tính đến thời điểm khởi kiện ông đã thanh toán hết khoản tiền nợ của ông Hoàng E, tuy nhiên ông Hoàng E không thừa nhận. Xét thấy: Trong quá trình giải quyết, ông T có cung cấp bảng sao kê về lịch sử giao dịch chuyển khoản tại ngân hàng giữa ông với ông Hoàng E. Tuy nhiên, các bảng sao kê chỉ thể hiện số tài khoản, số tiền chuyển khoản, nhưng không thể hiện nội dung chuyển khoản, do đó ông Hoàng E không đồng ý số tiền chuyển khoản theo bảng sao kê là số tiền ông T trả nợ. Bởi vì, giữa ông E với ông T ngoài giao dịch mượn tiền nêu trên, thì giữa hai bên còn thực hiện nhiều giao dịch khác có liên quan đến việc chuyển khoản bằng tiền. Như vậy, ông T là người có nghĩa vụ chứng minh, nhưng ngoài lời trình bày và các bảng sao kê về lịch sử giao dịch chuyển khoản tại ngân hàng không được ông Hoàng E thừa nhận thì ông T không có tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng E.

[5] Xét về nghĩa vụ trả tiền, thấy rằng: Ông T vay tiền của ông Hoàng E để chi xài trong gia đình và phục vụ cho việc kinh doanh. Đồng thời, giao dịch vay tiền được thực hiện trong thời gian ông T với bà T1 đang chung sống cuộc sống vợ chồng. Hiện nay ông bà vẫn còn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Do đó, khoản nợ của ông Hoàng E là khoản nợ chung được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông bà, nên ông T với bà T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ cho ông Hoàng E.

[6] Xét yêu cầu về số tiền 57.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về số tiền này đối với ông T và bà T1. Xét thấy: Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử

chấp nhận và đình chỉ xét xử là phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng E. Buộc ông T và bà T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hoàng E số tiền 373.000.000đ.

[8] Xét về án phí dân sự: Ông T và bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng E.

1. Buộc ông Lý Thanh T và bà Trương Bích T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Hoàng E số tiền 373.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày ông Trần Hoàng E có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lý Thanh T, bà Trương Bích T1 chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông T, bà T1 còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng E về việc yêu cầu ông ông Lý Thanh T và bà Trương Bích T1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng).

3. Về án phí dân sự:

3.1. Ông Trần Hoàng E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Hoàng E 10.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003800 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau.

3.2. Ông Lý Thanh T và bà Trương Bích T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.650.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh